

Số: ~~23~~./2017/TB-TAG-HĐQT
V/v: Công bố Báo cáo tài chính
Quý I năm 2017

Hà Nội, ngày 14. tháng 07 năm 2017

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần Thế giới số Trần Anh
2. Mã chứng khoán: TAG
3. Trụ sở chính: 1174 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
4. Điện thoại: 04.37666666 Fax: 04.37667708
5. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đỗ Thị Kim Liên - Người được ủy quyền công bố thông tin.

6. Nội dung thông tin công bố:

6.1. Công bố nội dung Báo cáo tài chính Quý I năm 2017 kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh. Báo cáo tài chính được lập vào ngày 14.10.7.2017 bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kết thúc ngày 30/06/2017.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

6.2. Công văn giải trình nguyên nhân biến động về kết quả hoạt động kinh doanh.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính Quý I năm 2017 và Công văn giải trình nguyên nhân biến động KQHĐKD tại: <http://www.trananh.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người thực hiện công bố thông tin

Đỗ Thị Kim Liên

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Trần Xuân Kiên

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Số 1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2017



Công ty cổ phần thể giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01a-DN

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/04/2017 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		987,875,102,696	924,316,416,600
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26,623,340,126	28,106,429,682
Tiền	111		20,462,615,445	22,248,457,385
Các khoản tương đương tiền	112		6,160,724,681	5,857,972,297
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	325,824,126	317,009,501
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123		325,824,126	317,009,501
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33,007,301,116	34,595,652,970
Phải thu khách hàng	131	6	7,234,599,631	5,381,035,084
Trả trước cho người bán	132		2,976,795,032	3,748,825,018
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	22,795,906,453	25,465,792,868
Hàng tồn kho	140		866,212,448,294	802,560,998,267
Hàng tồn kho	141	7	873,763,749,162	810,112,299,135
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7,551,300,868)	(7,551,300,868)
Tài sản ngắn hạn khác	150		61,706,189,034	58,736,326,180
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	17,479,599,590	10,998,090,052
Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	44,226,589,444	47,738,236,128
TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220)	200		240,217,817,866	260,640,887,843
Các khoản phải thu dài hạn	210		55,542,313,221	55,542,313,221
Phải thu dài hạn khác	216	9	55,542,313,221	55,542,313,221
Tài sản cố định	220		112,315,757,322	117,124,310,774
Tài sản cố định hữu hình	221	11	109,659,133,656	114,266,246,783
- Nguyên giá	222		171,211,617,949	167,626,393,251
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(61,552,484,293)	(53,360,146,468)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2,656,623,666	2,858,063,991
- Nguyên giá	228		7,801,280,981	7,583,280,981
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5,144,657,315)	(4,725,216,990)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4,217,338,793	6,511,107,735
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4,217,338,793	6,511,107,735
Tài sản dài hạn khác	260		68,142,408,530	81,463,156,113
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	68,142,408,530	81,463,156,113
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,228,092,920,562	1,184,957,304,443

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/04/2017 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		952,195,826,750	911,657,259,504
Nợ ngắn hạn	310		949,195,826,750	908,657,259,504
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	418,050,236,255	370,035,091,371
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8,221,598,662	7,090,261,231
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	694,914,473	1,741,409,350
Phải trả người lao động	314		16,257,115,480	13,982,700,762
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	15,427,034,552	14,883,054,030
Doanh thu chưa thực hiện	318	24	694,036,364	2,170,363,637
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	21	13,017,640,998	31,029,191,566
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	476,803,132,213	467,695,069,804
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30,117,753	30,117,753
Nợ dài hạn	330		3,000,000,000	3,000,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	3,000,000,000	3,000,000,000
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		275,897,093,812	273,300,044,939
Vốn chủ sở hữu	410	25	275,897,093,812	273,300,044,939
Vốn góp của chủ sở hữu	411		249,149,910,000	249,149,910,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249,149,910,000	249,149,910,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7,168,804,418	7,168,804,418
Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,333,755,096)	(2,333,755,096)
Quỹ đầu tư phát triển	418		10,082,930,218	10,082,930,218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11,829,204,272	9,232,155,399
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		9,232,155,399	2,366,293,923
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,597,048,873	6,865,861,476
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,228,092,920,562	1,184,957,304,443

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Người lập



Đỗ Thị Ngọc Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Đỗ Thị Thu Hương
 P. Tổng Giám Đốc

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 02a-DN

	Mã số	Thuyết Minh	Số Quý này năm nay VND	Số Quý này năm trước VND	Số lũy kế năm nay VND	Số lũy kế năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1,054,377,708,542	1,098,193,490,001	1,054,377,708,542	1,098,193,490,001
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	4,961,646,183	4,279,079,373	4,961,646,183	4,279,079,373
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1,049,416,062,359	1,093,914,410,628	1,049,416,062,359	1,093,914,410,628
Giá vốn hàng bán	11	28	913,672,300,524	973,077,591,599	913,672,300,524	973,077,591,599
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		135,743,761,835	120,836,819,029	135,743,761,835	120,836,819,029
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	322,428,165	427,070,625	322,428,165	427,070,625
Chi phí tài chính	22	30	7,372,853,216	2,881,446,170	7,372,853,216	2,881,446,170
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7,372,853,216	2,881,446,170	7,372,853,216	2,881,446,170
Chi phí bán hàng	25		116,203,377,944	96,362,079,647	116,203,377,944	96,362,079,647
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10,014,256,894	10,433,428,240	10,014,256,894	10,433,428,240
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2,475,701,946	11,586,935,597	2,475,701,946	11,586,935,597
Thu nhập khác	31		833,650,351	683,747,742	833,650,351	683,747,742
Chi phí khác	32		63,041,206	291,153,919	63,041,206	291,153,919
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		770,609,145	392,593,823	770,609,145	392,593,823
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3,246,311,091	11,979,529,420	3,246,311,091	11,979,529,420
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	649,262,218	2,472,186,697	649,262,218	2,472,186,697
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31				
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50-51-52)	60		2,597,048,873	9,507,342,723	2,597,048,873	9,507,342,723
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		105	383	105	383

Người lập



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017
 Người Duyệt:

Đỗ Thị Thu Hương
 P. Tổng Giám Đốc

Đã in
 AN
 giữ
 PH
 10 T
 17/07

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017
 (Phương pháp trực tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	Số lũy kế năm nay VND	Mẫu B 03a- DN Số lũy kế năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,152,034,014,201	1,199,198,482,567
Tiền chi trả cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,090,013,334,313)	(1,190,816,852,651)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(38,383,082,385)	(36,226,084,507)
Tiền lãi vay đã trả	04		(7,427,151,366)	(3,191,155,202)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,741,408,203)	(2,274,940,349,00)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,231,739,923	3,509,958,833
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6,568,660,472)	(12,127,583,720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11,132,117,385	(41,928,175,029)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XDCB và các tài sản dài hạn khác	21		(2,117,749,252)	(18,390,146,996)
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23		(8,814,625)	(8,387,500)
Thu lãi tiền gửi	27		237,285,527	510,461,723
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,889,278,350)	(17,888,072,773)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		460,732,543,966	230,552,274,145
Tiền trả nợ gốc vay	34		(451,624,481,557)	(170,116,125,076)
Tiền trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	36		(19,833,991,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10,725,928,591)	60,436,149,069
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1,483,089,556)	619,901,267
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28,106,429,682	51,095,077,944
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	26,623,340,126	51,714,979,211

Người lập



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán Trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Người Duyệt:



Đỗ Thị Thu Hương
P. Tổng Giám Đốc

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty nằm trong phạm vi 12 tháng

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 công ty có 19 chi nhánh

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

a) Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

c) Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 04 đến ngày 31 tháng 03.

d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (" VND")

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính này.

a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

c) Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Giám Đốc của công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

f) Tài sản cố định hữu hình

i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

§ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 -10 năm
§ Nâng cấp siêu thị	3 năm
§ Phương tiện vận chuyển	6 - 8 năm
§ Thiết bị văn phòng	3 năm

g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong.

Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

J) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

l) Vốn cổ phần

i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần

ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu Quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

n) Doanh thu và thu nhập khác

i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng

ii) doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng

o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê

p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố

q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

r) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là có liên quan.

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

4 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017 VND	31/03/2017 VND
- Tiền mặt	7,135,240,990	6,866,510,355
- Tiền gửi ngân hàng	10,842,581,597	14,362,119,335
- Tiền đang chuyển	2,484,792,858	1,019,827,695
- Các khoản tương đương tiền	6,160,724,681	5,857,972,297
Cộng	<u>26,623,340,126</u>	<u>28,106,429,682</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn bằng ba tháng

5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng

	30/06/2017 VND	31/03/2017 VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	325,824,126	317,009,501
Cộng	<u>325,824,126</u>	<u>317,009,501</u>

6 Phải thu của khách hàng

	30/06/2017 VND	31/03/2017 VND
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	7,234,599,631	5,381,035,086
- Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
- Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>7,234,599,631</u>	<u>5,381,035,086</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, tài khoản phải thu của công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại từ bên thứ ba
Phần lớn doanh thu bán hàng của công ty được thực hiện qua những giao dịch trả tiền ngay.

7 Hàng tồn kho

	30/06/2017 VND	31/03/2017 VND
- Công cụ, dụng cụ	2,745,762,831	2,808,160,842

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

- Hàng hóa	871,017,986,331	807,304,138,293
	<u>873,763,749,162</u>	<u>810,112,299,135</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7,551,300,868)	(7,551,300,868)
	<u>866,212,448,294</u>	<u>802,560,998,267</u>
8 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
- Thuế TNCN nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>
9 Phải thu khác		
	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
- Phải thu ngắn hạn khác		
<i>Phải thu từ CBCNV</i>	2,878,132,360	3,480,123,591
<i>Phải thu khác</i>	<u>19,917,774,093</u>	<u>21,985,669,277</u>
Cộng	<u>22,795,906,453</u>	<u>25,465,792,868</u>
10 Tài sản thiếu chờ xử lý		
	30/06/2017	31/03/2017
- Tiền	-	-
- Hàng tồn kho	-	-
- Tài sản cố định	-	-
- Tài sản khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị văn phòng VND	Nâng cấp, sửa chữa, thi công siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	52,038,673,052	80,472,807,118	11,012,874,636	24,102,038,445	167,626,393,251
Tăng trong kỳ	-	1,370,313,593	176,005,358	-	1,546,318,951
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1,760,742,646	216,074,600	477,859,338	-	2,454,676,584
Phân loại lại	(324,058,612)	439,381,612	(115,323,000)	-	-
Thanh lý, xóa sổ	(415,770,837)	-	-	-	(415,770,837)
Số dư cuối kỳ	53,059,586,249	82,498,576,923	11,551,416,332	24,102,038,445	171,211,617,949
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	15,092,688,026	24,892,056,384	5,156,102,643	8,219,299,415	53,360,146,468
Khấu hao trong kỳ	2,464,127,904	4,284,775,182	988,154,278	662,157,348	8,399,214,712
Phân loại lại	51,784,394	9,080,523	(60,864,917)	-	-
Thanh lý, xóa sổ	(206,876,887)	-	-	-	(206,876,887)
Số dư cuối kỳ	17,401,723,437	29,185,912,089	6,083,392,004	8,881,456,763	61,552,484,293
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	36,945,985,026	55,580,750,734	5,856,771,993	15,882,739,030	114,266,246,783
Số dư cuối kỳ	35,657,862,812	53,312,664,834	5,468,024,328	15,220,581,682	109,659,133,656

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	7,583,280,981	7,583,280,981
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang				218,000,000	218,000,000
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
Tăng do hợp nhất kinh doanh					-
Tăng khác				-	-
Phân loại lại (*)					-
Thanh lý, xóa sổ					-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	7,801,280,981	7,801,280,981
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	4,725,216,990	4,725,216,990
Khấu hao trong kỳ				419,440,325	419,440,325
Tăng khác					-
Phân loại lại (*)				-	-
Thanh lý, xóa sổ					-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	5,144,657,315	5,144,657,315
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	2,858,063,991	2,858,063,991
Số dư cuối kỳ	-	-	-	2,656,623,666	2,656,623,666

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

14. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6,511,107,735	13,094,770,500
Tăng trong kỳ	3,597,789,956	74,258,703,687
Chuyển sang tài sản cố định	(2,672,676,584)	(56,988,903,131)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2,862,773,062)	(22,394,378,427)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(356,109,252)	(1,459,084,894)
Xóa sổ	-	-
Số dư cuối kỳ	4,217,338,793	6,511,107,735

Số dư của chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ bao gồm

Thi công nội thất siêu thị	3,049,393,017	5,158,194,959
Chi phí phát triển phần mềm	935,945,776	1,146,945,776
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	232,000,000	205,967,000
Số dư cuối kỳ	4,217,338,793	6,511,107,735

15. Bất động sản đầu tư

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-

16. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	751,554,432	1,136,872,125
Chi phí trả trước tiền thuê siêu thị phân bố dần trong kỳ	12,651,662,756	6,618,157,877
Chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh	4,076,382,402	3,243,060,050
Cộng	17,479,599,590	10,998,090,052

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của công ty bao gồm:

- Công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.
- Chi phí hoạt động trả trước phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh cho nhiều kỳ.

Chi tiết phát sinh chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	81,463,156,113	37,258,472,005
Tăng trong kỳ	1,141,921,332	74,292,664,464
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2,862,773,062	22,394,378,427
Thanh lý	(25,513,346)	(232,771,324)
Phân bổ trong kỳ	(17,299,928,631)	(52,249,587,459)
Số dư cuối kỳ	68,142,408,530	81,463,156,113

17. Tài sản khác

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Tài sản ngắn hạn khác	44,226,589,444	47,738,236,128
Thuế GTGT được khấu trừ	44,226,589,444	47,738,236,128
Các khoản khác	-	-
Tài sản dài hạn khác	55,542,313,221	55,542,313,221
Đặt cọc thuê các siêu thị của công ty	55,542,313,221	55,542,313,221
Cộng	99,768,902,665	103,280,549,349

18. Các khoản vay

Vay ngắn hạn

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Dư đầu kỳ	467,295,069,804	174,515,281,273
Vay trong kỳ	460,732,543,966	1,541,237,937,825
Phân loại gốc vay dài hạn phải trả năm 2017 sang ngắn hạn	400,000,000	800,000,000
Trả tiền vay trong kỳ	(451,624,481,557)	(1,248,858,149,294)
Dư cuối kỳ	476,803,132,213	467,695,069,804

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Vay dài hạn

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Dư đầu kỳ	3,400,000,000	-
Vay trong kỳ	-	4,000,000,000
Phân loại gốc vay phải trả năm 2017 sang ngắn hạn	(400,000,000)	(800,000,000)
Trả tiền vay trong kỳ	-	(200,000,000)
Dư cuối kỳ	3,000,000,000	3,000,000,000

19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	649,263,365	1,741,409,350
Thuế thu nhập cá nhân	45,651,108	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	694,914,473	1,741,409,350

20. Chi phí phải trả

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	15,427,034,552	14,883,054,030
	15,427,034,552	14,883,054,030

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	13,017,640,998	31,029,191,566
Cổ tức phải trả	113,814,577	19,947,805,577
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,816,815,371	6,857,037,373
Các khoản phải trả khác	6,087,011,050	4,224,348,616
Phải trả dài hạn	-	-
	13,017,640,998	31,029,191,566

22. Phải trả người bán

	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Phải trả người bán ngắn hạn	418,050,236,255	370,035,091,371
	<u>418,050,236,255</u>	<u>370,035,091,371</u>

23. Dự phòng phải trả

	30/06/2017 VND	31/03/2017 VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>

24. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017 VND	31/03/2017 VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	-	-
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống	-	-
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	694,036,364	2,170,363,637
	<u>694,036,364</u>	<u>2,170,363,637</u>
Tổng cộng	<u>694,036,364</u>	<u>2,170,363,637</u>

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

25. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	249,149,910,000	7,168,804,418	(2,333,755,096)	10,082,930,218	22,216,195,523	286,284,085,063
Góp vốn/phát hành cổ phiếu						-
Phát hành cổ phiếu thường	-	-				-
Lợi nhuận thuần trong kỳ					6,865,861,476	6,865,861,476
Phân bổ vào các quỹ						-
Cổ tức					(19,849,901,600)	(19,849,901,600)
Mua lại cổ phiếu quỹ						-
Chi phí phát hành cổ phiếu						-
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	249,149,910,000	7,168,804,418	(2,333,755,096)	10,082,930,218	9,232,155,399	273,300,044,939
Góp vốn/phát hành cổ phiếu						-
Phát hành cổ phiếu thường	-	-				-
Lợi nhuận thuần trong kỳ					2,597,048,873	2,597,048,873
Phân bổ vào các quỹ						-
Bán cổ phiếu quỹ						-
Cổ tức						-
Mua lại cổ phiếu quỹ						-
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	249,149,910,000	7,168,804,418	(2,333,755,096)	10,082,930,218	11,829,204,272	275,897,093,812

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

b. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của công ty là:

	30/06/2017		31/03/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	24,914,991	249,149,910,000	24,914,991	249,149,910,000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	24,914,991	249,149,910,000	24,914,991	249,149,910,000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(102,614)	(1,026,140,000)	(102,614)	(1,026,140,000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	24,812,377	248,123,770,000	24,812,377	248,123,770,000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/06/2017		31/03/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	24,812,377	248,123,770,000	22,556,818	225,568,180,000
Phát hành cổ phiếu trong năm			-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	-	0	-	-
Phát hành cổ phiếu thường	-	0	2,255,559	22,555,590,000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	0	-	-
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-
Cổ phiếu thường thu hồi trong năm	-	0	-	-
Số dư cuối kỳ	24,812,377	248,123,770,000	24,812,377	248,123,770,000

c. Các quỹ của doanh nghiệp

i) Quỹ đầu tư phát triển

Các quỹ này được lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai

d. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ Đông số 01/2017/NQ-TAG-ĐHĐCĐ-BVB ngày 07 tháng 03 năm 2017 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 8%/mệnh giá, việc tạm ứng này đã được thực hiện vào tháng 4 năm 2017

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

26. Nguồn kinh phí

	30/06/2017 VND	31/03/2017 VND
Cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Còn lại	-	-

27. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Tổng doanh thu		
Doanh thu bán hàng	1,054,377,708,542	1,098,193,490,001
Giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(4,961,646,183)	(4,279,079,373)
Doanh thu thuần	<u>1,049,416,062,359</u>	<u>1,093,914,410,628</u>

28. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	913,672,300,524	973,077,591,599
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-
Giá vốn hàng bán	<u>913,672,300,524</u>	<u>973,077,591,599</u>

29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	322,428,165	427,070,625
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
	<u>322,428,165</u>	<u>427,070,625</u>

30. Chi phí tài chính

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	7,372,853,216	2,881,446,170
Chi phí tài chính khác	-	-
	7,372,853,216	2,881,446,170

31. Thu nhập khác, chi phí khác

a. Thu nhập khác

	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Các khoản khác	833,650,351	683,747,742
	833,650,351	683,747,742

b. Chi phí khác

	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC		
Các khoản phạt		
Các khoản khác	63,041,206	291,153,919
	63,041,206	291,153,919

32. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	38,591,229,687	35,045,464,443
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56,699,319,632	42,369,504,014
Chi phí Quản lý doanh nghiệp khác	20,912,828,625	18,947,111,190
	116,203,377,944	96,362,079,647

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	7,235,600,290	7,122,830,758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,399,964,999	1,574,927,183
Chi phí bán hàng khác	1,378,691,605	1,735,670,299
	10,014,256,894	10,433,428,240

c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	-
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	-	-
Các khoản ghi giảm khác	-	-
	-	-

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Năm hiện hành	649,262,218	2,472,186,697
Cộng	649,262,218	2,472,186,697

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 22% lợi nhuận tính thuế từ năm 2014 và 20% từ năm 2016.

b. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế	-	-
Cộng	-	-

34. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu căn cứ vào số lợi nhuận thuộc về các cổ đông sở hữu và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và được thực hiện như sau:

i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	2,597,048,873	9,507,342,723
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2,597,048,873	9,507,342,723

ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	24,812,377	22,556,818
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại trong năm		
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm		
Phát hành cổ phiếu thưởng trong năm 2016		2,255,559
Điều chỉnh lại do phát hành cổ phiếu thưởng năm 2015		
Ảnh hưởng của việc thu hồi cổ phiếu thưởng trong kỳ		
Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền tại thời điểm cuối kỳ	24,812,377	24,812,377

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017	31/03/2017
	VND	VND
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng nhận được		5,123,700,000
Trả cổ tức	4,508,863,200	5,123,709,000
Cổ tức phải trả		
Đỗ Thị Thu Hương		
Cổ phiếu thưởng nhận được		4,837,720,000
Trả cổ tức	4,257,197,600	4,837,725,000
Cổ tức phải trả		
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng nhận được		472,900,000

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Trả cổ tức	416,155,200	472,904,000
Cổ tức phải trả		
Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thưởng nhận được		173,990,000
Trả cổ tức	153,111,200	173,990,000
Cổ tức phải trả		
Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thưởng nhận được		139,530,000
Trả cổ tức	122,788,800	139,533,000
Cổ tức phải trả		
Đỗ Thị Kim Liên		
Cổ phiếu thưởng nhận được		1,012,580,000
Trả cổ tức	1,171,076,800	1,012,588,000
Cổ tức phải trả		
NOJIMA CORPORATION		
Cổ phiếu thưởng nhận được		6,981,350,000
Trả cổ tức	6,143,590,400	6,981,353,000
Cổ tức phải trả		
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao đã trả theo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông		189,631,845

36. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/06/2017 VND	31/03/2017 VND
Trong vòng 01 năm	128,053,751,836	122,847,771,332
Trong vòng hai đến năm năm	415,417,706,550	394,893,665,112
Sau năm năm	388,544,081,294	323,973,401,819
	932,015,539,680	841,714,838,262

(b) ngoại tệ các loại

	Nguyên tệ USD	Tương đương VND
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	117	2,655,559

37. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Giá vốn hàng bán	913,672,300,524	973,077,591,599
Chi phí nhân công	45,826,829,977	42,168,295,201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58,099,284,631	43,944,431,197
Chi phí khác	22,291,520,230	20,682,781,489

Công ty cổ phần thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 09 - DN

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Người lập



Đỗ Thị Ngọc Anh
Kế toán Trưởng

Người duyệt



Đỗ Thị Thu Hương
P. Tổng Giám Đốc



CÔNG TY CP THẾ GIỚI SỐ
TRẦN ANH

-----*-----

Số : 261 / CV/TA2017

" V/v Giải trình nguyên nhân
biến động về KQHĐKD "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2017

Kính gửi : SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên công ty : Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Địa chỉ : Số 1174 - Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Công ty CP Thế giới số Trần Anh giải trình nguyên nhân dẫn đến biến động về kết quả hoạt động kinh doanh cụ thể là chỉ tiêu lợi nhuận giữa Quý I/2017 với Quý I/2016 (năm 2016 năm tài chính bắt đầu từ 01/01, năm 2017 năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/04):

Nguyên nhân do:

- Công ty mở rộng mạng lưới các siêu thị, gia tăng thị phần ở Miền Bắc.
- Các siêu thị mới mở cuối năm 2016, doanh thu chưa bù đắp đủ chi phí.

Xin trân trọng cảm ơn!

Công ty cổ phần Thế giới số Trần Anh



Đỗ Thị Thu Hương

P. Tổng Giám Đốc

Số: 17./2017/GUQ-TA

Hà Nội, ngày 04. tháng 04. năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh;
- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc và năng lực của cán bộ,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Ủy quyền cho cán bộ có tên và chữ ký mẫu dưới đây là đại diện của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh được thay mặt Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Công ty ký phê duyệt Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh.

Họ và tên người ủy quyền: Ông Trần Xuân Kiên
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Số CMTND (Hoặc hộ chiếu): 001074000330
(Ngày cấp: 08/04/2015 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư).

Họ và tên người được ủy quyền: Bà Đỗ Thị Thu Hường
Chức vụ: Phó Tổng giám đốc công ty
CMTND: 011744741 Ngày cấp: 25/06/2007 Nơi cấp: Công an Hà Nội

Chữ ký mẫu
của người được ủy quyền

.....

Thời hạn ủy quyền: Từ ngày 01/04/2017 đến hết ngày 30/04/2018.

NGƯỜI ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HĐQT kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Xuân Kiên

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

.....

Đỗ Thị Thu Hường